

Số: 15/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 26 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Nguyễn Thị Thụy.

Thư ký phiên họp: ông Lê Duy Long - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 30/2024/TLST-VLĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 06/2024/QĐST-LĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: chị Phạm Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ B, ấp F, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: E đường X, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Hữu M, là người đại diện theo ủy quyền, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Chị Lê Thị Q, sinh năm 1995; địa chỉ: xóm H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường T, trung tâm Hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu chị Phạm Thị N trình bày: từ tháng 9/2010 đến tháng

02/2011, chị N làm việc tại Công ty TNHH MTV S và có đóng bảo hiểm xã hội. Nay chị N liên hệ Bảo hiểm xã hội nộp hồ sơ điều chỉnh sổ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện thông tin của chị N bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: do lúc trước chưa hiểu rõ thông tin về vấn đề đóng Bảo hiểm xã hội nên chị N có cho chị Lê Thị Q mượn thông tin cá nhân của chị N để giao kết hợp đồng lao động tại Công ty Cổ phần Đ. Thời gian chị Lê Thị Q (sử dụng thông tin của chị N) giao kết Hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ thì từ tháng 9/2010 đến tháng 02/2011, chị N đang giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH MTV S.

Do đó, chị N bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 9/2010 đến tháng 02/2011, đây là thời gian chị Lê Thị Q mượn hồ sơ lao động của chị N. Nay chị N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Lê Thị Q với Công ty Cổ phần Đ từ tháng 9/2010 đến tháng 02/2011 là vô hiệu.

- Ông Nguyễn Hữu M là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đ trình bày: việc chị Q mượn hồ sơ của chị N để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Theo hồ sơ lưu trữ trên máy tính thì chị N ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ từ tháng 08/2010 đến tháng 3/2011 thì chị N nghỉ việc, hiện quan hệ lao động giữa Công ty Cổ phần Đ với chị N đã chấm dứt, do chị N nghỉ việc đã lâu nên hồ sơ lao động của chị N không còn lưu trữ tại Công ty. Lỗi dẫn đến việc ký kết hợp đồng với chị N (nhưng chị Q mới là người thực tế làm việc tại Công ty Cổ phần Đ) là do chị N và chị Q. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho người yêu cầu đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu, Công ty Cổ phần Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày: qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần Đ cho người lao động thì Công ty Cổ phần Đ có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho chị Phạm Thị N, sinh ngày 20/12/1991, số CMND 187059182 (CCCD 040191017007), với mã số BHXH 7410278707 từ tháng 9/2010 đến tháng 02/2011 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của chị Phạm Thị N, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của chị Phạm Thị N phía Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

- Chị Lê Thị Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: do không hiểu biết pháp luật nên trước đây chị Q chưa đủ tuổi nên chị Q có mượn thông tin cá nhân của chị N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: E đường X, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 02/2011 chị Q làm việc tại Công ty Cổ phần Đ, chị Q đã nghỉ việc từ lâu và hiện không còn làm việc tại Công ty Cổ phần Đ. Nay trước yêu cầu của chị N thì chị Q hoàn toàn đồng ý.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Phạm Thị N, chị Lê Thị Q, Bảo hiểm xã hội thành phố D, Công ty Cổ phần Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Quá trình tố tụng các đương sự đều khai thống nhất: giữa chị Phạm Thị N và Công ty Cổ phần Đ có quan hệ lao động. Trong thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 02/2011, người lao động tên Phạm Thị N, sinh ngày 20/12/1991, số CMND 187059182 (CCCD 040191017007) được Công ty Cổ phần Đ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410278707. Tuy nhiên, chị Phạm Thị N và chị Lê Thị Q thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ và thực tế làm việc tại Công ty Cổ phần Đ trong khoảng thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 02/2011 theo hợp đồng lao động là chị Lê Thị Q chứ không phải chị Phạm Thị N do chị Q mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của chị N để đi làm việc. Mục đích mượn giấy tờ là để chị Q có việc làm do thời gian này chị Q chưa đủ 18 tuổi. Như vậy, việc chị Q lấy tên chị N để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó, việc chị Phạm Thị N yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 9/2010 đến tháng 02/2011 giữa chị Phạm Thị N (do bà Lê Thị Q mượn tên) với Công ty Cổ phần Đ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Quá trình tố tụng, Bảo hiểm xã hội thành phố D đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị Phạm Thị N bị trùng từ tháng 9/2010 đến tháng 02/2011.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực

hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: chị Phạm Thị N phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Phạm Thị N.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Phạm Thị N, sinh năm 1991, số CMND 187059182 (CCCD 040191017007); địa chỉ liên hệ: tổ B, ấp F, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (do chị Lê Thị Q ký kết) với Công ty Cổ phần Đ từ tháng 9/2010 đến tháng 02/2011 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ hết tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0004504 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu :VT, hồ sơ vụ án (02).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNHOẶP

Nguyễn Thị Thụy

